

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VT
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 18/2023/DS-ST

Ngày 14 tháng 7 năm 2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VT, TỈNH VĨNH PHÚC**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Thành Công

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Ngọc Triển, bà Vũ Thị Thanh Hương

Thư ký phiên tòa: ông Lê Xuân Chín – Thư ký Tòa án

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện VT tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Đạo, kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 140/2022/TLST - DS ngày 06 tháng 12 năm 2022 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2023/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1973, có mặt

Nơi cư trú: thôn 4, xã VS, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Đỗ Thị Huệ, sinh năm 1999. Địa chỉ: Công ty Luật TNHH Vinh Thành; số 54 Chu Văn An, phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1980, vắng mặt

Nơi ĐKKHKT: khu 4, thôn Cầu Ván, xã VS, huyện VT, Vĩnh Phúc

Địa chỉ hiện nay: thôn 5, xã VS, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Vũ Thị O, sinh năm 1987, vắng mặt

Nơi ĐKKHKT: thôn 4, xã VS, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

Địa chỉ hiện nay: thôn 5, xã VS, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 11 năm 2022, những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn (chị Vũ Thị L) và người đại diện theo ủy quyền là chị Đỗ Thị Huệ trình bày:

Ngày 30/08/2018, bà Vũ Thị L có cho ông Nguyễn Văn Th (là người quen của bà L) vay số tiền 600.000.000 đồng, để lo công việc gia đình. Bà L và ông Th đã thống nhất lập Giấy vay tiền cùng ngày 30/08/2018. Theo nội dung giấy vay tiền, ông Th cam kết đến tháng 5/2019 sẽ trả đủ số tiền 600.000.000 đồng cho bà L; còn về phần lãi suất, hai bên thống nhất ông Th hàng tháng sẽ phải trả lãi cho bà L bằng với lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh Bồ Sao (Ngân hàng Agribank) tại thời điểm tháng 8/2018 là 0,71% tháng.

Sau khi vay số tiền trên, ông Th chỉ trả lãi cho bà L đến hết năm 2019, sau đó ông Th bỏ đi 02 năm vào miền Nam sinh sống. Khoảng 01 năm sau khi ông Th bỏ vào miền Nam, bà L mới liên hệ được chỗ ở và số điện thoại của ông Th để yêu cầu ông trả nợ, ông Th có hứa là khó khăn để ông về bán đất trả nợ cho bà L. Sau đó ông Th đã bán 02 thửa đất tại địa phương với số tiền rất lớn khoảng hơn 5 tỷ đồng nhưng vẫn không trả tiền cho bà L, dù cả 2 vợ chồng ông Th đều hứa hẹn sẽ trả tiền.

Bà Vũ Thị O là vợ của ông Th có sang gặp bà L nói chuyện về việc chồng mình là ông Th đang khó khăn về tài chính, và hứa hẹn sẽ chịu trách nhiệm thay chồng trả tiền cho bà L. Vì vừa là hàng xóm, vừa là anh em họ hàng nên bà L tin tưởng. Tuy nhiên sau đó, bà Vũ Thị O thay đổi thái độ và nói với bà L rằng chồng mình đã vỡ nợ rồi, bà cũng không có tiền để trả cho bà L, nếu bà L muốn đòi lại số tiền trên thì đi gặp ông Th để đòi.

Cuối năm 2021, ông Th có trả cho bà L 3 tháng lãi là 12 triệu đồng, còn lại từ đó đến nay không trả thêm bất kỳ khoản lãi nào. Bà L đã nhiều lần yêu cầu ông Th phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông Th đều khất và có thái độ trốn tránh nghĩa vụ trả nợ.

Do vậy, bà Vũ Thị L làm đơn khởi kiện gửi lên Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc, yêu cầu:

- Buộc ông Nguyễn Văn Th và vợ là Vũ Thị O trả lại toàn bộ số tiền đã vay là 600.000.000 đồng tiền gốc

- Buộc ông Th, bà O phải trả tiền lãi, lãi suất áp theo lãi trậm trả là 0,83%/01 tháng x 600.000.000 đồng; thời gian tính từ ngày 01/04/2020 đến hết ngày 14/7/2023 là 39 tháng 14 ngày, tương ứng là 196.544.000 đồng.

- Từ ngày 15/7/2023 ông Th, bà O phải trả cho bà L số tiền lãi, lãi suất là 0,83%/01 tháng/ tổng số nợ chưa trả.

- Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định.

*** Bị đơn là anh Vũ Văn Th vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm, nhưng quá trình làm việc tại Tòa án trình bày:**

Ông và chị Vũ Thị L do có mối quan hệ là hàng xóm với nhau nên năm 2018, ông có vay chị L số tiền 600.000.000đồng để sử dụng chơi cờ, lãi suất thỏa thuận là 0,71%/tháng (theo lãi suất Ngân hàng). Ông Th thừa nhận chữ ký tại Giấy vay tiền viết ngày 30/8/2018 là đúng chữ ký của ông, đồng thời cũng thừa nhận nội dung vay tiền của bà L là đúng. Việc vay tiền và sử dụng tiền vay là ông đứng ra vay và sử dụng, không liên quan gì đến vợ và các con ông.

Sau khi vay tiền của chị L, ông vẫn thực hiện việc trả nợ cho chị L hàng tháng cho đến hết năm 2019. Từ năm 2020 do thua lỗ nhiều, ông phải bán hết đất để trả nợ nên không còn khả năng trả nợ cho chị L. Đến cuối năm 2021, ông có trả cho chị L 03 tháng tiền lãi là 12.000.000đ. Từ đó đến nay, do điều kiện khó khăn ông không trả thêm được đồng nào cho bà L, ông có xin khất nợ bà L nhưng bà L không đồng ý.

Nay chị L khởi kiện yêu cầu tôi phải trả toàn bộ số nợ gốc là 600.000.000đ cũng lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ, quan điểm ông cũng nhất trí trả nợ cho bà L nhưng hiện nay điều kiện kinh tế không có nên ông chỉ có thể mỗi tháng trả cho bà L từ 500.000đ – 1.000.000đ, nếu tháng nào dư dả hơn ông sẽ cố gắng thu xếp để trả bà L nhiều hơn.

Trường hợp bà L không đồng ý mà vẫn tiếp tục khởi kiện ông tại Tòa án thì ông cũng đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Vũ Thị O vắng mặt tại phiên tòa, các buổi làm việc, các phiên hòa giải của Tòa án (đã được thông báo, triệu tập hợp lệ). Tại buổi làm việc ngày 25/5/2023 chị L từ chối ký các biên bản lời khai, làm việc nhưng trình bày nội dung như sau: Chị là vợ hợp pháp của anh Vũ Văn Th, hiện vẫn sinh sống cùng nhau tại thôn 5, xã VS, huyện VT. Tuy nhiên, toàn bộ tài sản chung của vợ chồng đã bán từ năm 2019 để trả nợ, hiện nay chẳng còn gì ngoài các đồ đạc sinh hoạt hàng ngày. Việc anh Th vay nợ chị L như Th nào, số tiền bao nhiêu, sử dụng tiền vay làm gì, chị hoàn toàn không biết và không liên quan gì đến khoản nợ đó.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm tại phiên tòa.

- *Về tuân theo tố tụng, chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Thư ký Tòa án, các thành viên hội đồng xét xử; nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Th; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị O chưa chấp hành đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Đề nghị HĐXX:

+ Áp dụng: Điều 166, Điều 280, Điều 357, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thu, nộp án phí, lệ phí.

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà L; Buộc anh Nguyễn Văn Th phải trả cho bà Vũ Thị L số tiền 600.000.000đ tiền gốc và 196.544.000 đồng tiền lãi.

+ Từ ngày 15/7/2023 ông Th tiếp tục phải trả lãi cho bà L với mức lãi suất là 0,83%/01 tháng/tổng số tiền là 796.544.000 đồng.

+ Về án phí: Ông Th phải chịu nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện ông Nguyễn Văn Th yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng vay tài sản; Các đương sự đều có nơi cư trú tại xã VS, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, bị đơn là ông Nguyễn Văn Th; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị O vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ (Quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa), nên HĐXX xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

2.1 Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Vũ Thị L và ông Nguyễn Văn Th xác nhận việc giữa hai bên đương sự giao kết hợp đồng vay tài sản ngày 30/8/2018; việc vay nợ có lập giấy tờ vay nợ, do ông Th viết và ký tên với nội dung: Ông Th vay của bà L số tiền 600.000.000đ, lãi suất theo lãi suất vay của ngân hàng (0,71%/01 tháng); việc trả tiền lãi theo tháng; thời hạn trả nợ là hết tháng 05 năm 2019.

Sau khi giao kết hợp đồng, ông Th đã nhận của bà L số tiền 600.000.000đ; đã trả tiền lãi đến hết năm 2019 và 03 tháng của năm 2020. Còn lại số tiền gốc và lãi đến nay chưa thanh toán.

2.2 Đối với số tiền gốc 600.000.000đ: các bên xác nhận khoản nợ gốc, đồng ý thanh toán trả cho nhau nhưng không thỏa thuận được thời gian và số tiền phải trả. Ông Th muốn được thanh toán dần hàng tháng với số tiền từ 500.000đ đến 1.000.000đ/01 tháng. Bà L yêu cầu phải trả ngay cho bà.

Xét việc vay nợ là có thật, việc ông Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L. Do vậy, HĐXX thấy cần chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc ông Th phải trả ngay cho bà số tiền 600.000.000đ.

2.3 Đối với khoản tiền lãi: Khi giao kết hợp đồng, các bên thỏa thuận lãi suất là 0,71%/01 tháng, thời hạn của hợp đồng là hết tháng 5/2019. Ông Th đã trả tiền lãi đến hết năm 2019 và 03 tháng năm 2020. Như vậy, sau khi đối trừ thì tiền lãi ông Th chưa trả cho bà L tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (14/7/2023) là 39 tháng 14 ngày. Do đã quá hạn thanh toán tiền gốc, nên ông Th sẽ phải trả tiền lãi cho bà L tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả. Nguyên đơn yêu cầu mức lãi suất là 0,83%/01 tháng là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

Như vậy, 39 tháng 14 ngày x 0,83% x 600.000.000đ = 196.544.000đ tiền lãi; cần buộc ông Th phải trả cho bà L.

Từ ngày 15/7/2023 cần tiếp tục buộc ông Th phải trả tiền lãi cho bà L, lãi suất là 0,83%/01 tháng/ tổng số tiền chưa trả.

2.4 Trong vụ án này, nguyên đơn là bà Vũ Thị L đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với ông Triệu Văn Thảo, sinh năm 1970; trú tại xã Bình Dương, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc. Tuy nhiên ông Thảo và bà L xác định khoản tiền 600.000.000đ cho vay nêu trên là tài sản riêng của bà L, không liên quan đến quyền và nghĩa vụ của ông Thảo. Do vậy, HĐXX không đưa ông Thảo vào tham gia tố tụng, khi quyết định các vấn đề của vụ án, chỉ buộc bị đơn phải thanh toán các khoản tiền cho bà L.

2.5 Bị đơn là ông Nguyễn Văn Th đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp với bà Vũ Thị O. Theo yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ, Tòa án đã đưa bà O vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên, nguyên đơn không đưa ra được các chứng cứ để chứng minh việc vay nợ có liên quan đến bà O.

Quá trình giải quyết vụ án bà O và ông Th xác định: khoản vay 600.000.000đ nêu trên là do cá nhân ông Th xác lập, bà O không biết và không sử dụng khoản tiền vay nêu trên; ông Th cũng xác định việc vay nợ không bàn bạc với bà O, sử dụng tiền vay vào mục đích chi tiêu cá nhân.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của bị đơn thể hiện: Ông Th và bà O là vợ chồng hợp pháp; hiện các bên đã không có tài sản chung (các tài sản nếu có thì đã bán); việc vay nợ của các bên không báo cáo nên chính quyền địa phương không biết.

Do vậy, HĐXX xác định việc vay nợ là của cá nhân ông Th, chỉ buộc ông Th thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí: Bà L là nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên bà không phải chịu án phí sơ thẩm. Trả lại bà số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông Nguyễn Văn Th là bị đơn, phải trả cho bà L số tiền 796.544.000 đồng, nên phải chịu án phí sơ thẩm là 35.862.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 280, Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 357 Bộ luật dân sự. Điều 26 Luật thi hành án dân sự. Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị L về việc yêu cầu buộc thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Buộc ông Nguyễn Văn Th phải trả cho bà Vũ Thị L số tiền gốc và lãi là 796.544.000 đồng (tính đến hết ngày 14/7/2023).

Kể từ ngày 15/7/2023, nếu ông Vũ Văn Th không trả đủ số tiền theo quyết định nêu trên, thì hàng tháng phải tiếp tục trả cho bà Vũ Thị L tiền lãi, lãi suất là 0,83%/01 tháng, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thanh toán.

2. Về án phí: Buộc ông Nguyễn Văn Th phải chịu 35.862.000 đồng án phí sơ thẩm.

Trả lại cho bà Vũ Thị L 14.000.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0005806 ngày 02/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

3. Theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi cư trú của người vắng mặt theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện VT;
- THADS huyện VT;
- UBND xã VS (niêm yết);
- Các đương sự; người đại diện;
- Lưu HS, VP.

Đỗ Thành Công

